

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Hòa; bà Nguyễn Thị Kim Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Vĩ Khang là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Hoàng Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Đ, sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ D, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh. Căn cước công dân số: 072185003506, do Bộ C cấp ngày 18/3/2025.

Bị đơn: Anh Lâm Bình N, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ D, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh. Chứng minh nhân dân số: 290942304, do Công an tỉnh T cấp.

Chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh N tự nguyện chung sống vợ chồng năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh. Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị thì lúc mới sống chung thì hạnh phúc, nhưng từ năm 2017 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, sống chung thường hay cãi nhau nên đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Do ly thân đã lâu, hôn nhân thực tế không còn tồn tại, nay không còn tình cảm vợ chồng, nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị và anh N chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Lâm Vỹ K, sinh ngày 26/02/2008, Lâm Thị Tú A, sinh ngày 07/12/2012. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết anh Lâm Bình N vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều bảo đảm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do chị Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần hai nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đ, anh N.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Đỗ Thị Đ được ly hôn với anh Lâm Bình N.

+ Về con chung: Giao 02 con chung tên Lâm Vỹ K, sinh ngày 26/02/2008, Lâm Thị Tú A, sinh ngày 07/12/2012 cho chị Đỗ Thị Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lâm Bình N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 228, 238, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án của chị Đ:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T năm 2007, là hôn nhân hợp pháp. Xét lời khai của chị Đ và chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Chị Đ và anh N tự nguyện

chung sống vợ chồng, nhưng sống chung không hạnh phúc, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy, hôn nhân thực tế giữa chị Đ và anh N không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Đ là có cơ sở chấp nhận. Cho chị Đỗ Thị Đ được ly hôn với anh Lâm Bình N.

[2.2] Về con chung: Chị Đ và anh N có 02 con chung tên là Lâm Vũ K, sinh ngày 26/02/2008, Lâm Thị Tú A, sinh ngày 07/12/2012, hiện tại con chung đang sống cùng với chị Đ. Chị Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung, tại bản tự khai 02 con chung cũng có nguyện vọng chung sống cùng với chị Đ. Xét thấy, giao 02 con chung cho chị Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận tạm thời chị Đ không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Lâm Bình N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị Đ phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Đ. Cho chị Đỗ Thị Đ được ly hôn với anh Lâm Bình N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lâm Vũ K, sinh ngày 26/02/2008, Lâm Thị Tú A, sinh ngày 07/12/2012 cho chị Đỗ Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận tạm thời chị Đỗ Thị Đ không yêu cầu anh Lâm Bình N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Lâm Bình N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Đỗ Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Đ đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005572 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Chị Đ đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho chị Đỗ Thị Đ và anh Lâm Bình N biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 - TN;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Truông Mít;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Bùi Toàn